

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 31-12-2024

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hồng Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Duy Hưng; ông Lương Văn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Cà Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Huyền Sâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 04/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2024, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Lò Thị Ph, sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: Bản YB, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Lò Văn T, sinh năm: 1991.

Nơi cư trú: Bản YB, xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 13/10/2024 và trong quá trình xét xử, Nguyên đơn chị Lò Thị Ph trình bày:*

[1]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Ph và anh T lấy nhau, đăng ký kết hôn ngày 02/10/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Việc kết hôn trên T thân tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống chung tại bản YB, xã L đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do quan

điểm sống khác nhau, anh T không có trách nhiệm với vợ con, không tu chí làm ăn. Chị Ph và anh T đã ly thân từ tháng 12 năm 2022 cho đến nay. Chị Lò Thị Ph không còn tình cảm với anh Lò Văn T nữa. Do vậy, chị Ph đề nghị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên giải quyết cho chị ly hôn với anh Lò Văn T.

[2]. *Về con chung, con riêng*: Chị Ph và anh T có 02 con chung là cháu Lò Long Bảo An, sinh ngày 30/10/2012 và cháu Lò Thị Diệu Linh, sinh ngày 23/01/2015. Sau khi ly hôn chị Ph có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả 02 con. Không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

[3]. *Về tài sản*: Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn*: Ngày 18 tháng 10 năm 2024, sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án cho anh T qua đường bưu điện.

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã cử cán bộ xuống bản YB, xã L, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên để xác minh. Tại biên bản xác minh ngày 04/11/2024 tại bản YB, chính quyền địa phương đã xác nhận anh Lò Văn T cư trú tại bản YB có vợ là chị Lò Thị Ph và có với nhau 02 người con chung là các cháu Lò Long Bảo A, Lò Thị Diệu L. Quá trình sinh sống hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng không yêu cầu tổ hòa giải của bản Hòa giải do đó không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn. Chị Ph và anh T đều có đủ năng lực trách nhiệm dân sự, đủ khả năng nuôi dưỡng các cháu. Thời điểm xác minh anh T đi làm thuê không ở nhà do anh T không báo nên chính quyền không nắm được cụ thể anh T đi làm ở đâu.

\* *Người có quyền và lợi ích được bảo vệ*: cháu Lò Long Bảo A, sinh ngày 30/10/2012 và cháu Lò Thị Diệu L, sinh ngày 23/01/2015 các cháu đã trên 7 tuổi và có đơn nguyện vọng thể hiện cháu muốn ở cùng với mẹ cháu sau khi bố mẹ cháu ly hôn.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên phát biểu ý kiến*:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Khoản 1 Điều 81; Khoản 1 Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị Lò Thị Ph cho chị Ph được ly hôn anh Lò Văn T. Giao các cháu Lò Long Bảo A, sinh ngày 30/10/2012 và cháu Lò Thị Diệu L, sinh ngày 23/01/2015 cho chị Ph trực tiếp nuôi dưỡng cho

đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Chấp nhận việc chị Ph không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi con. Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Ph không đề nghị Tòa giải quyết nên không xem xét. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị Ph.

Tại phiên tòa hôm nay chị Lò Thị Ph vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, giải quyết việc nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết quan hệ tài sản như nội dung đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị đã trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về quan hệ pháp luật:** Căn cứ đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Lò Thị Ph đối với anh Lò Văn T và các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn chị Lò Thị Ph, Tòa án xác định đây là vụ án: ***“Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”***.

**[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án:** Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại bản YB, xã L, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3]. Về sự vắng mặt của đương sự:** Ngày 02 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt hợp lệ cho anh Lò Văn T tuy nhiên đến ngày 18/12/2024, anh T không đến phiên tòa và không có đơn xin xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 233, Điều 235 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông đã tổng đạt hợp lệ quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lò Văn T. Do đó, căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

**[4]. Về điều luật áp dụng:** Chị Ph và anh T lấy nhau và đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Điện Biên Đông ngày 02/10/2012, Tòa án sẽ áp dụng các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

**[5]. Về quan hệ hôn nhân:** Chị Ph và anh T chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã L. Việc kết hôn trên T thần tự nguyện các bên kết hôn khi đã đủ điều kiện kết hôn. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh T là hợp pháp. Hiện tại chị Ph không còn tình cảm với anh T. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Ph và anh T là tính cách không hợp nhau, anh T không có trách nhiệm với vợ con. Chính quyền địa phương cũng xác nhận trong quá trình sống chung chị Ph và anh T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Hiện chị Ph thấy không còn tình cảm với anh T, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định việc chị Ph

cho rằng hai vợ chồng không còn hạnh phúc, chị Ph không còn tình cảm với anh T là đúng. Xét tình trạng thực tế giữa hai vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ xác định chị Ph và anh T không còn tình cảm, không cùng chung sống nuôi dạy con cái, vun vén hạnh phúc gia đình. Do đó, đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của chị Lò Thị Ph, giải quyết cho chị Lò Thị Ph ly hôn với anh Lò Văn T.

**[6]. Về con chung, con riêng:** Chị Ph và anh T có 02 con chung là cháu Lò Long Bảo An, sinh ngày 30/10/2012 và cháu Lò Thị Diệu Linh, sinh ngày 23/01/2015. Chị Ph có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu vì hiện tại các cháu còn nhỏ tuổi và các cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ, việc cấp dưỡng chị Ph không yêu cầu giải quyết. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu và đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của trẻ. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu và nguyện vọng của chị Ph là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật, nên căn cứ các quy định tại Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Lò Long Bảo An, cháu Lò Thị Diệu L giao cả 02 cháu cho chị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Ph không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập xem xét. Anh T có quyền đi lại thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

**[7]. Về tài sản:** Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương: Chị Lò Thị Ph không đề nghị Tòa án giải quyết, trong quá trình giải quyết vụ án anh Lò Văn T không có ý kiến gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[8]. Án phí:** Quá trình giải quyết vụ án chị Lò Thị Ph có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí. Tại phiên tòa chị tiếp tục đề nghị HĐXX xem xét miễn tiền án phí DSTT cho chị, bởi vì, bản thân và gia đình chị là người dân tộc Thái đang cư trú tại Bản YB, xã L, huyện Điện Biên Đông nơi có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, cần áp dụng Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lò Thị Ph là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Điều 53, Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 69; Khoản 1 Điều 81; Khoản 1 Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**1. Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn chị Lò Thị Ph được ly hôn với bị đơn anh Lò Văn T.

**2. Về con chung:**

Giao con chung là các cháu Lò Long Bảo A, sinh ngày 30/10/2012 và cháu Lò Thị Diệu L, sinh ngày 23/01/2015 cho chị Lò Thị Ph trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Chị Lò Thị Ph không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân gia đình 2014 khi có yêu cầu.

**3. Về tài sản:** Tài sản riêng, tài sản chung, nợ phải trả, nợ lấy về, diện tích ruộng nương. Chị Lò Thị Ph không đề nghị Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị Lò Thị Ph được miễn án phí DSST.

**5. Về quyền kháng cáo:** Chị Lò Thị Ph được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/12/2024). Bị đơn anh Lò Văn T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- CCTHADS huyện ĐBĐ;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐB;
- UBND xã L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đã ký**

**Lê Hồng Quang**